| TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
|---|---|
| | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số: 1936 /QĐ-GVN.HN | *Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thông báo mời chào giá trực tuyến rút gọn Gói thầu: Bu lông, đai ốc, vòng đệm, thanh ren các loại gồm 194 mục**

## HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ - CP ngày 04/8/2025 và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 09/9/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-GVN.HN ngày 26/05/2026 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Giấy Việt Nam và Quyết định số 1819/QĐ-GVN.HN ngày 12/10/2026 về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Giấy Việt Nam;*

*Căn cứ Quy chế mua sắm hàng hóa số 2155/QĐ-GVN.PT ngày 20/9/2022 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 1156/QĐ-GVN.HN ngày 24/6/2026 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam về việc ban hành Quy chế phân cấp giữa Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Tổng công ty Giấy Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 1710/QĐ-GVN.PT ngày 22/08/2025, số 2628/QĐ-GVN.PT ngày 30/10/2025 của Tổng giám đốc - Tổng công ty Giấy Việt Nam về việc thành lập và kiện toàn nhân sự Tổ chuyên gia giúp việc đấu thầu mua sắm hàng hóa, thiết bị, phụ tùng, dịch vụ phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, dây chuyền sản xuất và dịch vụ khoa học kỹ thuật, kỹ thuật an toàn thuộc khối công nghiệp Bãi Bằng của Tổng công ty Giấy Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-GVN.HN ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam,*

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thông báo mời chào giá trực tuyến rút gọn gói thầu: Bu lông, đai ốc, vòng đệm, thanh ren các loại gồm 194 mục phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Giấy Việt Nam với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2**. Tổng giám đốc Tổng công ty Giấy Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổng giám đốc Tổng công ty Giấy Việt Nam và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- HĐTV.
- Ban TGĐ;
- Ban KTKTNB;
- Lưu: VT, P.VT.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**
**CHỦ TỊCH**

TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM

**Cao Văn Sơn**

# PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

**Gói thầu: Bu lông, đai ốc, vòng đệm, thanh ren các loại gồm 194 mục**

*(Kèm theo Quyết định số: 1936 /QĐ-GVN.HN ngày 27 /10/2026)*

## 1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

| Stt | Tên chủ đầu tư | Tên gói thầu | | Giá gói thầu (đồng) | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện gói thầu |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tên gói thầu | Tóm tắt công việc chính của gói thầu | | | | | | | | |
| 1 | Tổng công ty Giấy Việt Nam | Bu lông, đai ốc, vòng đệm, thanh ren các loại gồm 194 mục | Bu lông, đai ốc, vòng đệm, thanh ren các loại gồm 194 mục | 541.676.376 | Vốn sản xuất kinh doanh | Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn | 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ | 60 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | Trong vòng 30 ngày |
| Tổng giá gói thầu: 541.676.376 đồng | | | | | | | | | | | |

## 2. Hồ sơ mời chào giá trực tuyến rút gọn:

Theo mẫu số 12C - Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn (Ban hành kèm Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Thông tin chính bao gồm:

- Tên gói thầu: Bu lông, đai ốc, vòng đệm, thanh ren các loại gồm 194 mục
- Lĩnh vực: Hàng hoá
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: Trong vòng 30 ngày

- Thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến: 07 ngày làm việc tính từ ngày tiếp theo của ngày đăng tải thông báo mời thầu
- Thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến: 24h làm việc kể từ thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến
- Giá trần: 541.676.376 VNĐ
- Bước giá: 1.000.000 VNĐ
- Hiệu lực của đơn dự thầu: 60 ngày

## PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HOÁ

| Stt | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Khối lượng | Ký mã hiệu (1) | Nhãn hiệu (1) | Hãng sản xuất(1) | Xuất xứ của hàng hóa (1) | Năm sản xuất(1) | Thông số kỹ thuật(1) | Địa điểm dự án | Ngày giao hàng(2) | | Yêu cầu khác(1) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | Ngày giao hàng sớm nhất | Ngày giao hàng muộn nhất | |
| | | | | | | | | | | | | | Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng. Thời gian bảo hành hàng hóa ít nhất là 12 tháng kể từ ngày giao hàng (đổi mới không sửa chữa). Nhà thầu chịu mọi chi phí liên quan đến bảo hành (thay thế, vận chuyển). Nhà thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 05% giá trị hợp đồng, có hiệu lực từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến khi hai bên hoàn thành bàn giao, nghiệm thu hàng hóa và được hoàn trả trong vòng 10 ngày sau khi hoàn tất thủ tục giao, nhận hàng. Thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên A nhận được biên bản nghiệm thu. Trường hợp Nhà thầu giao hàng chậm (trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật), Nhà thầu chịu phạt 01%/ngày tính trên giá trị phần hàng hóa giao chậm, tối đa 08% giá trị phần hàng hóa giao chậm; khi đạt mức phạt tối đa, Bên mua có quyền xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định. |
| 1 | Bu lông | Cái | 40 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, vật liệu thép đen, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) loại M8x20 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Bu lông | Cái | 80 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, vật liệu thép đen, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) loại M8x35 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 3 | Bu lông | Cái | 112 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, vật liệu thép đen, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017(ren suốt) loại M10x30 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 4 | Bu lông | Cái | 104 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, vật liệu thép đen, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014(ren lửng) loại M10x70 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 5 | Bu lông | Cái | 120 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, vật liệu thép đen, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) loại M12x35 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 6 | Bu lông | Cái | 40 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, vật liệu thép đen, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017(ren suốt) loại M12x50 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 7 | Bu lông | Cái | 64 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, vật liệu thép đen, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M12x60 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 8 | Bu lông | Cái | 40 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, vật liệu thép đen, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M12x80 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 9 | Bu lông | Cái | 64 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, vật liệu thép đen, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017(ren suốt) loại M16x35 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 10 | Bu lông | Cái | 240 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, vật liệu thép đen, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014(ren lửng) loại M16x50 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 11 | Bu lông | Cái | 64 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, vật liệu thép đen, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014(ren lửng) loại M16x60 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | Bu lông | Cái | 96 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, vật liệu thép đen, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M16x70 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 13 | Bu lông | Cái | 96 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, vật liệu thép đen, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014(ren lửng) loại M16x80 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 14 | Bu lông | Cái | 40 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, vật liệu thép đen, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017(ren suốt) loại M20x65 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 15 | Bu lông | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, vật liệu thép đen, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M27x180 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 16 | Bu lông | Cái | 200 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) loại M5x30 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 17 | Bu lông | Cái | 120 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) loại M6x12 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 18 | Bu lông | Cái | 40 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) loại M6x20 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 19 | Bu lông | Cái | 200 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) loại M6x30 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 20 | Bu lông | Cái | 80 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M6x50 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 21 | Bu lông | Cái | 200 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) loại M8x20 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 22 | Bu lông | Cái | 120 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) loại M10x25 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 23 | Bu lông | Cái | 320 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) loại M10x30 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 24 | Bu lông | Cái | 160 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) loại M10x35 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 25 | Bu lông | Cái | 120 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M10x40 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 26 | Bu lông | Cái | 64 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M10x80 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 27 | Bu lông | Cái | 800 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) loại M12x40 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 28 | Bu lông | Cái | 480 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M12x50 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 29 | Bu lông | Cái | 320 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M12x60 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 30 | Bu lông | Cái | 320 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M12x70 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 31 | Bu lông | Cái | 80 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M12x75 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 32 | Bu lông | Cái | 80 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) loại M14x30 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 33 | Bu lông | Cái | 200 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ nam 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M14x60 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 34 | Bu lông | Cái | 200 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M14x70 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 35 | Bu lông | Cái | 40 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) loại M16x30 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 36 | Bu lông | Cái | 80 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) loại M16x45 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 37 | Bu lông | Cái | 200 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M16x50 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 38 | Bu lông | Cái | 320 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M16x70 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 39 | Bu lông | Cái | 160 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M16x90 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 40 | Bu lông | Cái | 64 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014(ren lửng) loại M16x100 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 41 | Bu lông | Cái | 80 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M16x120 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 42 | Bu lông | Cái | 40 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M16x140 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 43 | Bu lông | Cái | 160 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) loại M18x75 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 44 | Bu lông | Cái | 64 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M18x100 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 45 | Bu lông | Cái | 34 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M18x110 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 46 | Bu lông | Cái | 8 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M18x130 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 47 | Bu lông | Cái | 80 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) loại M20x60 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 48 | Bu lông | Cái | 40 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M20x70 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 49 | Bu lông | Cái | 80 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M20x75 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 50 | Bu lông | Cái | 160 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M20x100 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 51 | Bu lông | Cái | 160 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M20x120 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 52 | Bu lông | Cái | 40 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M20x130 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 53 | Bu lông | Cái | 80 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M20x160 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 54 | Bu lông | Cái | 40 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M20x200 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 55 | Bu lông | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) loại M22x90 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 56 | Bu lông | Cái | 48 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) loại M24x80 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 57 | Bu lông | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M24x140 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 58 | Bu lông | Cái | 80 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M24x180 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 59 | Bu lông | Cái | 24 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M24x200 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 60 | Bu lông | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M27x120 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 61 | Bu lông | Cái | 120 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M27x140 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 62 | Bu lông | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) loại M30x90 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 63 | Bu lông | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng) loại M30x300 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 64 | Bu lông | Cái | 8 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm FZV (nhúng nóng), ren UNC loại 3/8"x51; tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 65 | Bu lông | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, cấp bền 8.8, mạ kẽm FZV (nhúng nóng), ren UNC loại 3/4"x51; tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 66 | Bu lông | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ, cấp bền 12,9, tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt), loại M5x16 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 67 | Bu lông | Cái | 96 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ, cấp bền 12,9, tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt), loại M6x16 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 68 | Bu lông | Cái | 80 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ, cấp bền 12,9, tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt), loại M6x30 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 69 | Bu lông | Cái | 8 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ, cấp bền 12,9, tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt), loại M8x16 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 70 | Bu lông | Cái | 64 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ, cấp bền 12,9, tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt), loại M8x30 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 71 | Bu lông | Cái | 158 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ, cấp bền 12,9, tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt), loại M8x50 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 72 | Bu lông | Cái | 80 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ, cấp bền 12,9, tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt), loại M8x70 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 73 | Bu lông | Cái | 24 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ, cấp bền 12,9, tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt), loại M10x25 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 74 | Bu lông | Cái | 80 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ, cấp bền 12,9, tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt), loại M10x30 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 75 | Bu lông | Cái | 80 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ, cấp bền 12,9, tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt), loại M10x50 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 76 | Bu lông | Cái | 40 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ, cấp bền 12,9, tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt), loại M10x75 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 77 | Bu lông | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ, cấp bền 12,9, tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng), loại M10x100 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 78 | Bu lông | Cái | 40 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ, cấp bền 12,9, tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng), loại M12x50 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 79 | Bu lông | Cái | 24 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ, cấp bền 12,9, tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng), loại M12x100 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 80 | Bu lông | Cái | 32 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ, cấp bền 12,9, tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng), loại M16x75 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 81 | Bu lông | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ, cấp bền 12,9, tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng), loại M16x100 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 82 | Bu lông | Cái | 8 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ, cấp bền 12,9, tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng), loại M20x100 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 83 | Bu lông | Cái | 8 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ, cấp bền 12,9, tiêu chuẩn ISO 4014 (ren lửng), loại M20x180 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 84 | Bu lông | Cái | 24 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ, cấp bền 12,9, tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt), loại M24x50 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 85 | Bu lông | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vít đầu trụ xẻ rãnh, mạ kẽm trắng FZB (mạ kẽm sáng điện phân) tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt), loại M4x30 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 86 | Bu lông | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vít đầu bằng xẻ rãnh, tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt), loại M8x35 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 87 | Bu lông | Cái | 64 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông nở vỏ thép, tiêu chuẩn ISO 3506-1 (Inox A4-70 ≈ SUS 316) loại M10x100 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 88 | Bu lông | Cái | 120 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông nở vỏ thép, tiêu chuẩn ISO 3506-1 (Inox A4-70 ≈ SUS 316) loại M12x125 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 89 | Bu lông | Cái | 40 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông nở vỏ thép, tiêu chuẩn ISO 3506-1 (Inox A4-70 ≈ SUS 316) loại M16x150 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 90 | Bu lông | Cái | 32 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông nở mạ kẽm nhúng nóng HSA, tiêu chuẩn ISO 3506-1; loại M8x75 inox 316 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 91 | Bu lông | Cái | 120 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông nở loại ngắn HSA, tiêu chuẩn ISO 3506-1; loại M12x70 (Inox)316 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 92 | Bu lông | Cái | 120 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS 316) loại M5x20 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 93 | Bu lông | Cái | 200 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS316) loại M5x35 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 94 | Bu lông | Cái | 160 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS 316) loại M5x50 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 95 | Bu lông | Cái | 360 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS316) loại M6x35 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 96 | Bu lông | Cái | 160 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS 316) loại M8x20 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 97 | Bu lông | Cái | 440 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS316) loại M8x35 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 98 | Bu lông | Cái | 240 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS 316) loại M8x50 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 99 | Bu lông | Cái | 120 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS 316) loại M8x70 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 100 | Bu lông | Cái | 200 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS316) loại M10x25 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 101 | Bu lông | Cái | 720 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS316) loại M10x40 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 102 | Bu lông | Cái | 560 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS 316) loại M10x50 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 103 | Bu lông | Cái | 280 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS 316) loại M10x60 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 104 | Bu lông | Cái | 280 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS316) loại M12x30 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 105 | Bu lông | Cái | 144 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS316) loại M12x35 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 106 | Bu lông | Cái | 600 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS316) loại M12x50 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 107 | Bu lông | Cái | 320 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS 316) loại M12x70 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 108 | Bu lông | Cái | 48 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS 316) loại M12x150 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 109 | Bu lông | Cái | 80 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS316) loại M16x30 | (Xã Phù Ninh Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 110 | Bu lông | Cái | 80 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS 316) loại M16x35 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 111 | Bu lông | Cái | 280 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS316) loại M16x50 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 112 | Bu lông | Cái | 320 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS 316) loại M16x60 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 113 | Bu lông | Cái | 440 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS316) loại M16x70 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 114 | Bu lông | Cái | 120 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS316) loại M16x120 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 115 | Bu lông | Cái | 24 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS 316) loại M20x60 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 116 | Bu lông | Cái | 32 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS 316) loại M20x65 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 117 | Bu lông | Cái | 280 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS 316) loại M20x80 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 118 | Bu lông | Cái | 24 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu lục giác ngoài, ren hệ mét tiêu chuẩn ISO 4017 (ren suốt) (Inox A4-70 ≈ SUS316) loại M20x110 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 119 | Bu lông | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ ISO 4762; (SIS2343 ≈ A4-70 ≈ SUS 316) loại M5x40 | (Xã Phù Ninh Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 120 | Bu lông | Cái | 64 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ ISO 4762; (SIS2343 ≈ A4-70 ≈ SUS 316) loại M6x25 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 121 | Bu lông | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ ISO 4762; (SIS2343 ≈ A4-70 ≈ SUS 316) loại M8x16 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 122 | Bu lông | Cái | 40 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ ISO 4762; (SIS2343 ≈ A4-70 ≈ SUS 316) loại M8x30 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 123 | Bu lông | Cái | 40 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ ISO 4762; (SIS2343 ≈ A4-70 ≈ SUS 316) loại M8x35 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 124 | Bu lông | Cái | 64 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ ISO 4762; (SIS2343 ≈ A4-70 ≈ SUS 316) loại M8x60 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 125 | Bu lông | Cái | 120 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ ISO 4762; (SIS2343 ≈ A4-70 ≈ SUS 316) loại M10x30 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 126 | Bu lông | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ ISO 4762; (SIS2343 ≈ A4-70 ≈ SUS 316) loại M12x30 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 127 | Bu lông | Cái | 24 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ ISO 4762; (SIS2343 ≈ A4-70 ≈ SUS 316) loại M12x70 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 128 | Bu lông | Cái | 32 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông lục giác chìm đầu trụ ISO 4762; (SIS2343 ≈ A4-70 ≈ SUS 316) loại M20x70 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 129 | Bu lông | Cái | 40 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Bu lông đầu bằng xẻ rãnh SR-MFS-M, tiêu chuẩn ISO 2009 loại M6x12 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 130 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 200 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu) lục giác kiểu SRM6M, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu SUS 316(A4-70), loại M4 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 131 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 200 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu) lục giác kiểu SRM6M, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu SUS 316(A4-70), loại M5 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 132 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 720 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu) lục giác kiểu SRM6M, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu SUS 316(A4-70), loại M6 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 133 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 800 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu) lục giác kiểu SRM6M, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu SUS 316(A4-70), loại M8 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 134 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 1360 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu) lục giác kiểu SRM6M, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu SUS316(A4-70), loại M10 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 135 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 200 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu) lục giác kiểu SRM6M, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu SUS 316 (A4-70), loại M12 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 136 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 200 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu) lục giác kiểu SRM6M, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu SUS316(A4-70), loại M16 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 137 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 720 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu) lục giác kiểu SRM6M, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu SUS 316(A4-70), loại M20 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 138 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu) lục giác kiểu SRM6M, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu SUS 316(A4-70), loại M27 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 139 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 8 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu) lục giác kiểu SR-U6M/UNC, ren UNC, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu SUS 316(SIS 2343), loại M12 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 140 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 200 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu,8.8 đen) lục giác kiểu M6M GBB, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu thép đen, loại M8 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 141 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 480 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu 8.8 đen) lục giác kiểu M6M GBB, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu thép đen, loại M12 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 142 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 480 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu 8.8 đen) lục giác kiểu M6M BH8, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu thép đen, loại M16 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 143 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 40 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu 8.8 đen ) lục giác tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu thép đen, loại M20 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 144 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 80 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu 8.8 đen ) lục giác kiểu M6S BH8, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu thép đen, loại M27 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 145 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 24 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu 8.8 đen ) lục giác kiểu M6S BH8,ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu thép đen, loại M30 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 146 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 40 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu 8.8 mạ kẽm ) lục giác kiểu M6M BH8, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu thép mạ kẽm trắng (FZB), loại M4 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 147 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 120 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu 8.8 mạ kẽm ) lục giác kiểu M6M BH8, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu thép mạ kẽm trắng (FZB), loại M5 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 148 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 320 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu 8.8 mạ kẽm ) lục giác kiểu M6M BH8, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu thép mạ kẽm trắng (FZV), loại M6 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 149 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 2000 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu 8.8 mã kẽm ) lục giác kiểu M6M BH8, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu thép mạ kẽm trắng (FZV), loại M8 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 150 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 2400 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu 8.8 mạ kẽm ) lục giác kiểu M6M BH8, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu thép mạ kẽm trắng (FZB), loại M10 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 151 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 2400 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu 8.8 mạ kẽm ) lục giác kiểu M6M BH8, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu thép mạ kẽm trắng (FZV), loại M12 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 152 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 480 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu 8.8 mạ kẽm ) lục giác kiểu M6M BH8, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu thép mạ kẽm trắng (FZV), loại M14 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 153 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 1200 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu 8.8 mạ kẽm ) lục giác kiểu M6M BH8, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu thép mạ kẽm trắng (FZB), loại M16 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 154 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 160 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu ,8.8 mạ kẽm ) lục giác kiểu M6M BH8, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu thép mạ kẽm trắng (FZV), loại M18 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 155 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 640 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu 8.8 mạ kẽm ) lục giác kiểu M6M BH8, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu thép mạ kẽm trắng (FZV), loại M20 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 156 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 40 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu ,8.8 mạ kẽm ) lục giác kiểu M6M BH8, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu thép mạ kẽm trắng (FZV), loại M22 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 157 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 64 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu 8.8 ma. kẽm ) lục giác kiểu M6M BH8, ren hệ mét, tiêu chuẩn ISO 4032, vật liệu thép mạ kẽm trắng (FZB), loại M30 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 158 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu) lục giác kiểu U6M, cấp bền BH8, mạ kẽm FZV, UNC 1/2", tiêu chuẩn ISO 4032, loại M12 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 159 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu .mạ kẽm ) tự hãm GB6, có vòng nylon, vật liệu thép mạ kẽm nhúng nóng, tiêu chuẩn ISO 10511, loại M12 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 160 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 24 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu ,mạ kẽm ) tự hãm GB6, có vòng nylon, vật liệu thép mạ kẽm nhúng nóng, tiêu chuẩn ISO 10511, loại M14 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 161 | Đai ốc (Ê cu) | Cái | 64 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Đai ốc (Ê cu ,mạ kẽm ) tự hãm GB6, có vòng nylon, vật liệu thép mạ kẽm nhúng nóng, tiêu chuẩn ISO 10511, loại M20 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 162 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 160 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) loại BRB, tiêu chuẩn ISO 7089, mạ kẽm FZB, kích thước 6,4x12x1,5 (M6) | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 163 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 880 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) loại BRB, tiêu chuẩn ISO 7089, mạ kẽm FZV, kích thước 10x18x2 (M8) | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 164 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 160 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm) loại BRB, tiêu chuẩn ISO 7089, mạ kẽm FZB, kích thước 12x22x2 (M10) | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 165 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 1200 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) loại BRB, tiêu chuẩn ISO 7089, mạ kẽm FZB, kích thước13x24x2,5 (M12) | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 166 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 800 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) loại BRB, tiêu chuẩn ISO 7089, mạ kẽm FZB, kích thước17x30x3 (M16) | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 167 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 120 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm (long đen mạ kẽm ) loại BRB, tiêu chuẩn ISO 7089, mạ kẽm FZB, kích thước19x34x3 (M18) | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 168 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 400 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) loại BRB, tiêu chuẩn ISO 7089, mạ kẽm FZB, kích thước 21x36x3 (M20) | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 169 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 120 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) loại BRB, tiêu chuẩn ISO 7089, mạ kẽm FZB, kích thước 23x40x3 (M22) | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 170 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 80 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) loại BRFB, tiêu chuẩn ISO 7089, mạ kẽm FZB, kích thước28x52x4 (M27) | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 171 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 80 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) loại SRB, tiêu chuẩn ISO 7089, mạ kẽm FZB, kích thước 11x22x2 (M10) | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 172 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 320 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) loại SRB, tiêu chuẩn ISO 7089, mạ kẽm FZB, kích thước15x28x2 (M14) | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 173 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 40 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm vênh (long đen vênh ,mạ kẽm ) loại FBB 8.2, theo tiêu chuẩn ISO 7094, mạ kẽm FZB, loại M8 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 174 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 120 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm vênh (long đen vênh mạ kẽm ) loại FBB 11,3, theo tiêu chuẩn ISO 7094, mạ kẽmFZB, loại M11 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 175 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 160 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm vênh (long đen vênh mạ kẽm ) loại FBB 12,2, theo tiêu chuẩn ISO 7094, mạ kẽm FZB, loại M12 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 176 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 160 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm vênh (long đen vênh mạ kẽm ) loại FBB 16,2, theo tiêu chuẩn ISO 7094, mạ kẽm FZB, loại M16 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 177 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 40 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm vênh (long đen vênh ,mạ kẽm ) loại FBB 22,5, theo tiêu chuẩn ISO 7094, mạ kẽm FZB, loại M22 | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 178 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 80 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm (long đen) loại SRBRB, tiêu chuẩn ISO 7089, vật liệu SUS 316, kích thước 11x22x2 (M10) | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 179 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 400 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm (long đen) loại SRBRB, tiêu chuẩn ISO 7089, vật liệu SUS 316, kích thước 13x24x2,5 (M12) | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 180 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 640 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm (long đcn) loại SRBRB, tiêu chuẩn ISO 7089, vật liệu SUS 316, kích thước 17x30x3 (M16) | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 181 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 720 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm (long đen) loại SRBRB, tiêu chuẩn ISO 7089, vật liệu SUS 316, kích thước 23x40x3 (M22) | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 182 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 720 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm (long đen) loại SRBRB, tiêu chuẩn ISO 7089, vật liệu SUS 316, kích thước 25x44x4 (M24) | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 183 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 320 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm (long đen) loại SRBRB, tiêu chuẩn ISO 7089, vật liệu SUS 316, kích thước 29x50x4 (M28) | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 184 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 1200 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm (long đen) loại SRBRB, tiêu chuẩn ISO 7089, vật liệu SUS 316, kích thước 31x56x4 (M30) | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 185 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 720 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm (long đen) loại SRBRB, tiêu chuẩn ISO 7089, vật liệu SUS 316, kích thước 37x66x5 (M36) | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 186 | Vòng đệm (long đen ,mạ kẽm ) | Cái | 40 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Vòng đệm (long đen) loại SRBRB, tiêu chuẩn ISO 7089, vật liệu SUS 316, kích thước 41x71x6 (M40) | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 187 | Thanh ren | Cái | 24 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Thanh ren HGS, cấp bền 4.6, mạ kẽm FZB, theo tiêu chuẩn ISO 898-1, ren hệ mét M6x1000mm | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 188 | Thanh ren | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Thanh ren HGS, cấp bền 4.6, mạ kẽm FZB, theo tiêu chuẩn ISO 898-1, ren hệ mét M8x1000mm | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 189 | Thanh ren | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Thanh ren HGS, cấp bền 4.6, mạ kẽm FZB, theo tiêu chuẩn ISO 898-1, ren hệ mét M10x1000mm | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 190 | Thanh ren | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Thanh ren HGS, cấp bền 4.6, mạ kẽm FZB, theo tiêu chuẩn ISO 898-1, ren hệ mét M12x1000mm | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 191 | Thanh ren | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Thanh ren HGS, cấp bền 4.6, mạ kẽm FZB, theo tiêu chuẩn ISO 898-1, ren hệ mét M14x1000mm | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 192 | Thanh ren | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Thanh ren HGS, cấp bền 4.6, mạ kẽm FZB,theo tiêu chuẩn ISO 898-1, ren hệ mét M16x1000mm | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 193 | Thanh ren | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Thanh ren HGS, cấp bền 4.6, mạ kẽm FZB, theo tiêu chuẩn ISO 898-1, ren hệ mét M20x1000mm | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |
| 194 | Thanh ren | Cái | 16 | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Không đề xuất | Từ năm 2025 đến nay | Thanh ren HGS, cấp bền 4.6, mạ kẽm FZB, theo tiêu chuẩn ISO 898-1, ren hệ mét M24x1000mm | (Xã Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ) | 1 ngày | 30 ngày | nt |